

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUÂN HÒA VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /XH - NQ - ĐHĐCĐ

Phủ Thọ, ngày 07 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam;

Căn cứ Biên bản Kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 07/09/2026 của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam;

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc chi cổ tức bổ sung bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi đã trích lập các chỉ tiêu phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06-XH-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 20/06/2026. Cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả: 20% mệnh giá cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng)
- Thời gian chi trả: Trong năm 2026. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn thời gian chi trả cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam cùng các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này ./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông (Web XHC);
- CBTT (UBCKNN, HNX, Web XHC);
- Lưu VT, TK. "Hs.02"

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Việt Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUÂN HÒA VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 11 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc chi bổ sung cổ tức bằng tiền

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm hiện tại;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả bổ sung cổ tức bằng tiền. Cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng/cổ phiếu);
- Nguồn chi trả: từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi đã trích lập các chỉ tiêu phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06 /XH - NQ - ĐHĐCĐTN ngày 20/06/2026;
- Thời gian chi trả: Trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Anh

Số: 258 /XH - BB - ĐHĐCĐ

Phú Thọ, ngày 07 tháng 9 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
Về việc: Chi bổ sung cổ tức bằng tiền**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam ban hành theo Quyết định số 636 ngày 08/11/2022;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09 /XH - NQ - HĐQT ngày 03/08/2026 v/v: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của các cổ đông tính đến 11h30' ngày 07/09/2026;

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 07/09/2026, tại Phòng họp - Trụ sở chính Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty"), Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

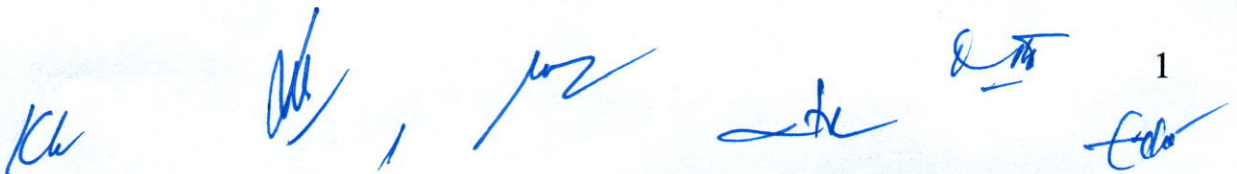
1. Thông tin về Công ty:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam
- Mã chứng khoán: XHC
- Trụ sở chính: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ.
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 2500162922

2. Thành phần tham dự kiểm phiếu:

2.1. Ban Kiểm phiếu (sau đây gọi là "BKP"):

- | | |
|--------------------------|--|
| - (Ông) Nguyễn Việt Anh | - Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKP |
| - (Ông) Nguyễn Anh Tuấn | - Thành viên HĐQT, TGD, thành viên BKP |
| - (Ông) Khúc Văn Quang | - Thành viên HĐQT, P.TGD, thành viên BKP |
| - (Ông) Nguyễn Hoàng Hải | - Thành viên HĐQT, P.TGD, thành viên BKP |
| - (Bà) Trần Thị Thu Hà | - Giám đốc Phòng Kế hoạch vật tư, thành viên BKP |



2.2. Chứng kiến/giám sát kiểm phiếu:

- (Ông) Trương Hồng Phong - Trưởng Ban kiểm soát
- (Bà) Nguyễn Thị Khuyên - Thành viên Ban kiểm soát
- (Bà) Đặng Thị Hoa - Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý

3. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả bổ sung cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng/cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi đã trích lập các chỉ tiêu phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06 /XH - NQ - ĐHĐCĐTN ngày 20/06/2026.

4. Kết quả kiểm phiếu:

4.1. Hình thức trả lời Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của các cổ đông, cụ thể:

- Gửi thư: 217 Cổ đông
- Gửi trực tiếp : 157 cổ đông

4.2. Kết quả kiểm phiếu:

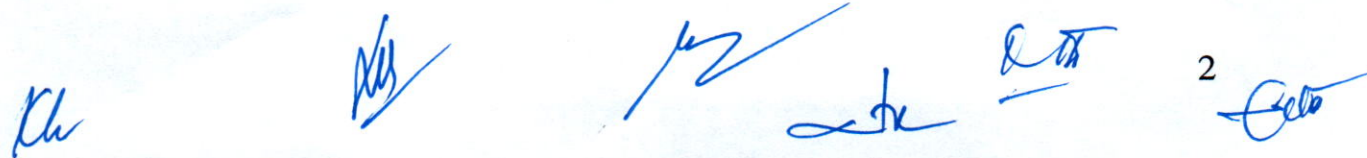
- Tổng số cổ đông có quyền gửi Phiếu lấy ý kiến theo danh sách của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 14/08/2026: 374 cổ đông tương ứng 21.086.500 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu lấy ý kiến mà Công ty đã gửi cho các cổ đông: 374 phiếu tương ứng 21.086.500 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu lấy ý kiến đã trả lời : 158 phiếu tương ứng 20.351.002 cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó:

- + Hợp lệ: 139 phiếu tương ứng 20.320.802 cổ phần có quyền biểu quyết
- + Không hợp lệ: 19 phiếu tương ứng 30.200 cổ phần có quyền biểu quyết
- Tổng số phiếu tán thành: 139 phiếu tương ứng 20.320.802 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu không tán thành: Không có.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: Không có.

Như vậy, với số cổ phần biểu quyết tán thành là 20.320.802 cổ phần, tương ứng 96,37 % số cổ phần có quyền biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả bổ sung cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng/cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi đã trích lập các chỉ tiêu phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06 /XH - NQ - ĐHĐCĐTN ngày 20/06/2026 đã được thông qua.



Chúng tôi, các thành viên Ban kiểm phiếu, người chứng kiến/giám sát Kiểm phiếu cam kết về tính trung thực, chính xác của kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản này.

Biên bản được lập thành 01 (Một) bản gốc lưu tại Công ty.

BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Anh Tuấn


Khúc Văn Quang


Nguyễn Hoàng Hải


Trần Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HĐQT TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Việt Anh

CHỨNG KIẾN/GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU


Nguyễn Thị Khuyên


Trương Hồng Phong


Đặng Thị Hoa

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM GIA BIỂU QUYẾT
(Kèm theo Biên bản kiểm phiếu ngày 07/09/2026)

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Nguyễn Việt Anh	1,763,043			8.36%	1	1,763,043		
2	Nguyễn Anh Tuấn	565,136			2.68%	1	565,136		
3	Nguyễn Hoàng Hải	2,390,282			11.34%	1	2,390,282		
4	Khúc Văn Quang	753,300			3.57%	1	753,300		
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	1,243,023			5.89%	1	1,243,023		
6	Trần Thị Thu Hà	1,715,796			8.14%	1	1,715,796		
7	Vương Xuân Hùng	139,800			0.66%	1	139,800		
8	Lê Tú Anh	1,310,111			6.21%	1	1,310,111		
9	Nguyễn Thị Dạ Liên	104,912			0.50%	1	104,912		
10	Lê Thị Hoa	989,332			4.69%	1	989,332		
11	Tạ Lê Hải Anh	100,000			0.47%	1	100,000		
12	Công ty cổ phần Đầu tư VAC Việt Nam	5,427,000			25.74%	1	5,427,000		
13	Xí nghiệp nhựa Hồng Hà (DNTN)	300,000			1.42%	1	300,000		
14	Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	2,400,000			11.38%	1	2,400,000		
15	Đinh Thị Quỳnh Dung	378,760			1.80%	1	378,760		
16	Lê Mạnh Hà	207,260			0.98%	1	207,260		
17	Lê Đình Bình	30,370			0.14%	1	30,370		
18	Phạm Thị Hường	30,370			0.14%	1	30,370		
19	Lê Đình Hiệp	30,370			0.14%	1	30,370		
20	Lê Quỳnh Mai	30,370			0.14%	1	30,370		
21	Vũ Tiến Sơn	66,200			0.31%	1	66,200		
22	Mai Thị Kim Dung	2,000			0.01%	1	2,000		
23	Chu Thị Tuyền	3,600			0.02%	1	3,600		
24	Hà Văn Tuấn	2,000			0.01%	1	2,000		
25	Trần Trung Hiếu	1,500			0.01%	1	1,500		
26	Nguyễn Tiến Pháp	2,200			0.01%	1	2,200		
27	Trần Văn Thành	14,591			0.07%	1	14,591		
28	Đoàn Thị Hương Giang	1,100			0.01%	1	1,100		
29	Lưu Thị Kim Oanh	4,100			0.02%	1	4,100		
30	NGUYỄN THỊ MIỆN	2,100			0.01%	1	2,100		
31	Đặng Thị Hoa	2,500			0.01%	1	2,500		
32	Phạm Thị Lự	1,100			0.01%	1	1,100		
33	Hoàng Thanh Bình	53,400			0.25%	1	53,400		
34	NGUYỄN THỊ THÚY	2,900			0.01%	1	2,900		
35	Nguyễn Thị Yến Ly	2,000			0.01%	1	2,000		
36	Tô Thị Xen	2,500			0.01%	1	2,500		
37	TRẦN XUÂN TRỌNG	8,176			0.04%	1	8,176		
38	NGUYỄN VĂN HIỀN	2,000			0.01%	1	2,000		
39	Bùi Hồng Khoa	2,600			0.01%	1	2,600		
40	Đinh Thị Nga	500			0.00%	1	500		
41	Nguyễn Công Huyền	1,900			0.01%	1	1,900		
42	Bùi Văn Việt	1,600			0.01%	2			
43	Hoàng Ngọc Hưng	800			0.00%	1	800		
44	Cù Xuân Tuấn	1,200			0.01%	1	1,200		
45	Nguyễn Như Đắc	100			0.00%	1	100		
46	Trần Thị Thảo Nguyên	100			0.00%	1	100		
47	Trần Thị Tuyết Mai	1,000			0.00%	1	1,000		
48	Vũ Việt Đức	3,600			0.02%	1	3,600		
49	Đỗ Thị Mai Duyên	3,100			0.01%	1	3,100		
50	Hoàng Công Tiến	2,000			0.01%	1	2,000		

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
51	Lê Minh Tiếp	3,300			0.02%	1	3,300		
52	Lê Thanh Thái	900			0.00%	1	900		
53	Lê Văn Thịnh	2,000			0.01%	1	2,000		
54	Nguyễn Văn Tám	900			0.00%	1	900		
55	Phạm Văn Bảy	2,200			0.01%	1	2,200		
56	Trần Ngọc Sơn	3,500			0.02%	1	3,500		
57	Trần Ngọc Sơn	3,400			0.02%	1	3,400		
58	Đỗ Khắc Sử	1,700			0.01%	1	1,700		
59	Nguyễn Văn Tiên	2,600			0.01%	1	2,600		
60	Lê Văn Tuyển	4,000			0.02%				
61	Hồ Trung Hiếu	3,600			0.02%	1	3,600		
62	Bùi Thị Mai Hưng	1,500			0.01%				
63	Bùi Văn Thái	2,900			0.01%	1	2,900		
64	Dương Anh Tuấn	1,900			0.01%	2			
65	Dương Thanh Hương	600			0.00%				
66	Dương Thanh Hường	3,800			0.02%	1	3,800		
67	Dương Văn Minh	1,200			0.01%	1	1,200		
68	Hoàng Thị Hiền	600			0.00%	1	600		
69	Hoàng Thị Hà	1,600			0.01%	1	1,600		
70	Hoàng Thị Thảo	1,200			0.01%	1	1,200		
71	Hoàng Thị Thủy	2,400			0.01%				
72	Hoàng Thị Vân	900			0.00%	1	900		
73	Hà Trung Kiên	1,000			0.00%				
74	Lê Thanh Tuấn	2,900			0.01%	1	2,900		
75	Lê Thị Hồng Sang	1,000			0.00%	2			
76	NGUYỄN THANH HIỀN	3,600			0.02%				
77	Nguyễn Như Thảo	1,900			0.01%	1	1,900		
78	Nguyễn Thanh Hải	300			0.00%	1	300		
79	Nguyễn Thị Chinh	300			0.00%	1	300		
80	Nguyễn Thị Hoa	3,000			0.01%				
81	Nguyễn Thị Minh Thu	1,200			0.01%	1	1,200		
82	Nguyễn Thị Thoa	1,000			0.00%	1	1,000		
83	Nguyễn Thị Thành	2,400			0.01%	2			
84	Nguyễn Văn Thanh	1,000			0.00%	1	1,000		
85	Nguyễn Văn Tiến	1,200			0.01%				
86	Nguyễn Văn Tường	900			0.00%	1	900		
87	Nguyễn Xuân Hợp	3,000			0.01%				
88	Phan Thị Cẩm Nhung	900			0.00%	1	900		
89	Phạm Duy Thắng	1,800			0.01%				
90	Phạm Thị Duyên	200			0.00%	1	200		
91	Trần Hùng Trung	3,200			0.02%				
92	Trần Phương	1,600			0.01%	2			
93	Trần Thu Hằng	600			0.00%	2			
94	Trần Tiến Chiến	1,000			0.00%	2			
95	Trần Văn Lực	2,900			0.01%	1	2,900		
96	Đinh Thị Huế	400			0.00%				
97	Đinh Thị Khanh	2,600			0.01%	1	2,600		
98	Đinh Tiến Hùng	800			0.00%	2			
99	Đinh Văn Thương	1,200			0.01%				
100	Đào Thị Huệ	900			0.00%	1	900		
101	Đào Văn Thạch	3,200			0.02%	1	3,200		
102	Đỗ Vũ Thảo	1,900			0.01%	1	1,900		
103	Hà Minh Phú	2,000			0.01%	1	2,000		
104	Nguyễn Tất Thắng	2,800			0.01%	1	2,800		
105	Bùi Thị Hiền	200			0.00%	1	200		
106	Cao Văn Nam	2,800			0.01%				
107	Công Thị Tố Như	3,200			0.02%	1	3,200		
108	Dương Thị Cẩm Vân	2,800			0.01%	1	2,800		
109	Lê Phú Định	2,600			0.01%	1	2,600		

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
110	Lê Xuân Thọ	8,000			0.04%	2			
111	Nguyễn Duy Cường	2,000			0.01%	2			
112	Nguyễn Thị Hải Yến	2,200			0.01%	1	2,200		
113	Nguyễn Thị Hào	2,900			0.01%	1	2,900		
114	Nguyễn Thị Hằng	1,100			0.01%				
115	Nguyễn Thị Lan	400			0.00%	1	400		
116	Nguyễn Thị Minh	900			0.00%	1	900		
117	Phan Thị Chin	800			0.00%	1	800		
118	Phạm Thu Hường	100			0.00%	1	100		
119	Phạm Thành Trung	2,200			0.01%	1	2,200		
120	Phạm Thị Hà	400			0.00%	1	400		
121	Trần Thị Thu Thủy	3,000			0.01%	1	3,000		
122	Đinh Thị Hồng Thúy	2,600			0.01%	1	2,600		
123	Đàm Trung Kiên	800			0.00%	1	800		
124	Đào Thị Thu Thủy	800			0.00%	2			
125	Đặng Thị Lan	2,800			0.01%	1	2,800		
126	Đỗ Huy Nghiêm	3,000			0.01%	1	3,000		
127	Đỗ Thị Thanh	800			0.00%	2			
128	Bùi Văn Hùng	900			0.00%				
129	Dương Văn Hải	2,900			0.01%	1	2,900		
130	Dương Văn Trường	2,800			0.01%				
131	Lê Thị Duyên	1,100			0.01%	2			
132	Lê Thị Kim Ngân	800			0.00%	1	800		
133	Lê Thị Linh	200			0.00%	2			
134	Lê Văn Tiến	1,900			0.01%	1	1,900		
135	Lê Vạn Thắng	6,000			0.03%	1	6,000		
136	Nguyễn Ngọc Châm	900			0.00%	1	900		
137	Nguyễn Thị Hương	4,700			0.02%	1	4,700		
138	Nguyễn Thị Thu Minh	1,900			0.01%	1	1,900		
139	Nguyễn Văn Thanh	800			0.00%	1	800		
140	Phạm Thị Xuân	500			0.00%				
141	Phạm Đức Vịnh	2,900			0.01%				
142	Trần Thị Hồng Lâm	1,900			0.01%	1	1,900		
143	Trần Văn Dũng	1,300			0.01%	2			
144	Nguyễn Duy Hiền	2,900			0.01%	1	2,900		
145	HOÀNG VĂN ĐÌNH	2,200			0.01%	1	2,200		
146	Hoàng Thị Thảo	500			0.00%	1	500		
147	Hoàng Văn Việt	900			0.00%	1	900		
148	Nguyễn Thế Mạnh	1,600			0.01%				
149	Nguyễn Tất Thắng	1,800			0.01%	1	1,800		
150	Nguyễn Văn Minh	1,400			0.01%	1	1,400		
151	Phùng Thị Oánh	600			0.00%	1	600		
152	Trần Văn Tuấn	900			0.00%	2			
153	Nguyễn Văn Thắng	3,600			0.02%	1	3,600		
154	Nguyễn Thế Quyền	3,100			0.01%	1	3,100		
155	Bùi Thị Thu	900			0.00%	1	900		
156	Dương Minh Nguyệt	400			0.00%				
157	Dương Văn Phi	800			0.00%	1	800		
158	Lê Viết Hậu	3,400			0.02%	1	3,400		
159	Nguyễn Quang Đăng	2,100			0.01%	1	2,100		
160	Trần Hồng Kỳ	1,000			0.00%	1	1,000		
161	Trần Nhân Thông	1,200			0.01%				
162	Đinh Thị Dung	900			0.00%	1	900		
163	Đinh Thị Thuỷ	1,000			0.00%	1	1,000		
164	Đặng Như Cải	9,400			0.04%	1	9,400		
165	Nguyễn Thị Hoa Mai	13,100			0.06%				
166	Đỗ Mạnh Quỳnh	100,000			0.47%				
167	BÙI LAN HƯƠNG	5,700			0.03%				
168	BÙI VĂN TÚ	1,000			0.00%				

Kh

Ky

ph

ph

ph

ph

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
169	Bùi Anh Cường	2,900			0.01%				
170	Bùi Anh Song	2,400			0.01%				
171	Bùi Bá Bình	30,000			0.14%				
172	Bùi Thị Hải Hà	2,400			0.01%				
173	Bùi Thị Hải Yến	700			0.00%				
174	Bùi Thị Loan	2,600			0.01%				
175	Bùi Thị Phương Dung	12,700			0.06%				
176	Bùi Thị Xuyên	1,300			0.01%				
177	Bùi Văn Khoa	2,600			0.01%				
178	Bùi Văn Ánh	400			0.00%				
179	Bùi Đức Thụ	3,000			0.01%				
180	CAO HOÀNG VŨ	500			0.00%				
181	Cù Đức Bản	2,500			0.01%				
182	Dương Hồng Thái	400			0.00%				
183	Dương Khánh Thành	2,200			0.01%				
184	Dương Thành Chung	3,000			0.01%				
185	Dương Thị Thủy	400			0.00%				
186	Dương Văn Linh	900			0.00%				
187	Dương Văn Nam	100			0.00%				
188	Dương Văn Tám	2,000			0.01%				
189	Dương Văn Đằm	900			0.00%	1	900		
190	Dương Xuân Hùy	3,100			0.01%				
191	Hoàng Anh Tuấn	2,600			0.01%				
192	Hoàng Anh Vinh	1,000			0.00%				
193	Hoàng Huy Minh	200			0.00%				
194	Hoàng Minh Thọ	900			0.00%				
195	Hoàng Văn Hiến	1,100			0.01%				
196	Hoàng Văn Hạnh	1,400			0.01%				
197	Hoàng Văn Ngải	2,700			0.01%				
198	Hoàng Văn Thịnh	3,200			0.02%				
199	Hoàng Văn Tùng	900			0.00%	1	900		
200	Hoàng Xuân Hiến	3,200			0.02%				
201	HỒ NHƯ KHOA	6,000			0.03%				
202	Hồ Thị Thu Hiền	2,000			0.01%				
203	Khuất Thị Diệu Linh	10			0.00%				
204	Lê Ngọc Tuấn	900			0.00%				
205	LÊ VĂN SỬU	3,700			0.02%				
206	Lê Bình Thìn	2,000			0.01%				
207	Lê Thị Huyền	800			0.00%				
208	Lê Thị Hương	1,100			0.01%				
209	Lê Thị Hằng	1,500			0.01%				
210	Lê Thị Nhân	1			0.00%				
211	Lê Thị Thúy Thanh	2,400			0.01%				
212	Lê Thị Thục Anh	3,500			0.02%				
213	Lê Thị Tâm	800			0.00%				
214	Lê Tiến Sơn	100			0.00%				
215	Lê Trạch Thắng	2,400			0.01%				
216	Lê Văn Chiến	3,500			0.02%				
217	Lê Văn Quyết	19,295			0.09%				
218	Lê Văn Định	3,700			0.02%				
219	Lý Thị Bích Thùy	2,200			0.01%				
220	Lương Mạnh Hùng	1			0.00%				
221	Lương Quốc Liêm	1,000			0.00%				
222	NGUYỄN HOÀI NAM	2			0.00%				
223	NGUYỄN KẾ HUỆ	110			0.00%				
224	NGUYỄN NGUYỆT NGÀ	2,919			0.01%				
225	NGUYỄN QUANG NGUYỄN	10			0.00%				

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
226	NGUYỄN SINH DŨNG THẮNG	1			0.00%				
227	NGUYỄN SIÊU MÃN	1			0.00%				
228	NGUYỄN THU HIỀN	6,000			0.03%				
229	NGUYỄN THỊ MINH TƠ	2,300			0.01%				
230	NGUYỄN TRỌNG ĐÍCH	2,500			0.01%				
231	NGUYỄN VĂN QUÂN	84			0.00%				
232	NGUYỄN VĂN THU	2,000			0.01%				
233	NGUYỄN VĂN TÍNH	100			0.00%				
234	NGUYỄN ĐỨC TÀI	1			0.00%				
235	NGÔ ANH CƯỜNG	3,200			0.02%				
236	Nguyễn Danh Nam	600			0.00%				
237	Nguyễn Duy Bình	2,900			0.01%				
238	Nguyễn Duy Cường	2,700			0.01%	1	2,700		
239	Nguyễn Hải Bằng	6,000			0.03%				
240	Nguyễn Hữu Dân	800			0.00%				
241	Nguyễn Hữu Minh	5,600			0.03%				
242	Nguyễn Ngọc	1,200			0.01%				
243	Nguyễn Ngọc Hưng	300			0.00%				
244	Nguyễn Thế Sáng	900			0.00%				
245	Nguyễn Thế Vui	2,800			0.01%	2			
246	Nguyễn Thế Đại	800			0.00%				
247	Nguyễn Thị Anh	200			0.00%	2			
248	Nguyễn Thị Dung	500			0.00%				
249	Nguyễn Thị Huệ	800			0.00%				
250	Nguyễn Thị Hồng Điệp	5,800			0.03%				
251	Nguyễn Thị Lan	2,900			0.01%				
252	Nguyễn Thị Lợi	2,600			0.01%	1	2,600		
253	Nguyễn Thị Lợi	1,200			0.01%	2			
254	Nguyễn Thị Minh Tâm	3,100			0.01%				
255	Nguyễn Thị Mộng Thơ	600			0.00%				
256	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1,200			0.01%				
257	Nguyễn Thị Phương	900			0.00%	1	900		
258	Nguyễn Thị Phương Thảo	14			0.00%				
259	Nguyễn Thị Phương	1,500			0.01%				
260	Nguyễn Thị Quý	200			0.00%				
261	Nguyễn Thị Quế	500			0.00%				
262	Nguyễn Thị Thuý Vân	400			0.00%				
263	Nguyễn Thị Thúy Hà	200			0.00%				
264	Nguyễn Thị Thư	400			0.00%				
265	Nguyễn Thị Thủy	2,000			0.01%				
266	Nguyễn Thị Trang	2,000			0.01%				
267	Nguyễn Thị Yên	10			0.00%				
268	Nguyễn Tiến Tòng	3,000			0.01%	1	3,000		
269	Nguyễn Việt Cường	2,900			0.01%				
270	Nguyễn Việt Hà	100			0.00%				
271	Nguyễn Văn Lợi	3,800			0.02%	1	3,800		
272	Nguyễn Văn Nhị	2,800			0.01%				
273	Nguyễn Văn Thiện	4,500			0.02%				
274	Nguyễn Văn Thắng	3,200			0.02%				
275	Nguyễn Văn Thủy	100			0.00%				
276	Nguyễn Văn Trường	183,200			0.87%				
277	Nguyễn Văn Viên	400			0.00%				
278	Nguyễn Văn Ánh	634			0.00%				
279	Nguyễn Xuân Phong	2,700			0.01%				
280	Nguyễn Xuân Sỹ	3,600			0.02%				
281	Nguyễn Xuân Trường	2,100			0.01%				

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
282	Nguyễn Đăng Tùng	36			0.00%				
283	Nguyễn Đức Kiên	900			0.00%				
284	Nguyễn Đức Lợi	100			0.00%				
285	Nguyễn Đức Vượng	3,800			0.02%				
286	Nguyễn Đức Đàm	2,900			0.01%				
287	Ngô Anh Cường	6,000			0.03%				
288	Ngô Duy Toàn	800			0.00%				
289	Ngô Minh Tú	1,200			0.01%				
290	Ngô Văn Lịch	3,300			0.02%				
291	PHÙ ĐỨC VẮN	13			0.00%				
292	Phan Thị Thanh Loan	300			0.00%				
293	Phan Văn Huân	800			0.00%				
294	Phùng Quốc Hưng	1,000			0.00%				
295	Phạm Anh Tuấn	2,000			0.01%				
296	Phạm Ngọc Huân	600			0.00%				
297	Phạm Ngọc Hải	200			0.00%				
298	Phạm Thùy Linh	1,100			0.01%				
299	Phạm Thị Minh Huệ	7,400			0.04%				
300	Phạm Thị Phương	900			0.00%				
301	Phạm Thị Phương Thảo	400			0.00%				
302	Phạm Thị Thoa	1,500			0.01%				
303	Phạm Thị Tâm	1,300			0.01%				
304	Phạm Văn Đồng	4,000			0.02%				
305	Phạm Văn Đồng	1,800			0.01%				
306	Phạm Đình Hải	30			0.00%				
307	Phạm Đình Tuấn	800			0.00%				
308	TRẦN MINH HOÀNG	2,600			0.01%				
309	TRẦN PHI NGUYỄN	16			0.00%				
310	TRẦN THỊ HÃ	1,100			0.01%				
311	TRẦN THỊ KIM THÚY	100			0.00%				
312	Thái Trường Giang	2,100			0.01%				
313	Trương Cảnh Duy Phong	100			0.00%				
314	Trương Thị Gái	300			0.00%				
315	Trương Văn Lại	19,400			0.09%	1	19,400		
316	Trần Giáp	900			0.00%				
317	Trần Khắc Tĩnh	1,000			0.00%				
318	Trần Thanh Hằng	2,100			0.01%				
319	Trần Thị Bích Liên	3,000			0.01%	1	3,000		
320	Trần Thị Huyền	1,200			0.01%				
321	Trần Thị Nguyệt	300			0.00%				
322	Trần Trung Kiên	100			0.00%				
323	Trần Việt Hùng	2,900			0.01%				
324	Trần Văn Hoan	2,500			0.01%	1	2,500		
325	Trần Văn Sỹ	22,200			0.11%	1	22,200		
326	Trần Văn Trung	800			0.00%				
327	Trần Đình Công	8,500			0.04%				
328	Trần Đức Trí	2,000			0.01%				
329	Trịnh Thị Hương	1,200			0.01%				
330	Tô Hồng Sơn	4,400			0.02%				
331	Tăng Văn Huyền	100			0.00%				
332	Tạ Ngọc Dũng	3,300			0.02%				
333	Tạ Ngọc Sơn	1			0.00%				
334	Tạ Thị Yến	10,000			0.05%				
335	Tạ Văn Thắng	400			0.00%				
336	Vi Trung Dũng	3,000			0.01%	1	3,000		
337	VÕ NGỌC CHUYỀN	2,700			0.01%				
338	VŨ QUỐC HUY	9,600			0.05%				

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết (cổ phần)	Tên người nhận ủy quyền (nếu có)	Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần - nếu có)	Số cổ phần đại diện có quyền biểu quyết/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (%)	Phiếu hợp lệ (1)/ Không hợp lệ (2)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
339	VŨ THỊ LỆ QUYÊN	700			0.00%				
340	VŨ TIẾN SƠN	1,000			0.00%				
341	Vũ Hữu Nam	900			0.00%				
342	Vũ Lê Hoa	100			0.00%				
343	Vũ Thị Huê	5,200			0.02%				
344	Vũ Thị Lựu	300			0.00%				
345	Vũ Thị Diệp	400			0.00%				
346	Vũ Văn Hào	200			0.00%				
347	Vũ Văn Kiêm	3,600			0.02%				
348	Vũ Văn Đăng	1			0.00%				
349	Đinh Minh Dương	200			0.00%				
350	Đinh Quang Tuấn	3,100			0.01%				
351	Đinh Thị Hoán	2,500			0.01%				
352	Đinh Thị Đĩnh	200			0.00%				
353	Đinh Văn Hoà	3,200			0.02%				
354	Đoàn Thị Thúy	900			0.00%				
355	Đoàn Thị ánh Hằng	2,900			0.01%				
356	Đoàn Văn Bang	3,500			0.02%				
357	ĐÀO ANH THÁI	2,000			0.01%				
358	Đàm Thị Thu Hằng	2,600			0.01%				
359	Đào Hữu Lương	1,800			0.01%				
360	Đào Ngọc Thanh	3,400			0.02%	1	3,400		
361	Đào Quang Hưng	2,000			0.01%				
362	Đào Thị Huệ	400			0.00%				
363	ĐẶNG THANH HÀ	1			0.00%				
364	ĐẶNG THÁI HÙNG	7			0.00%				
365	Đặng Duy Hà	2,700			0.01%				
366	Đặng Thanh Thùy	11,600			0.06%				
367	Đặng Thị Hải	300			0.00%				
368	Đặng Văn Sơn	900			0.00%				
369	Đặng Văn Sửu	400			0.00%				
370	Đồng Thị Hải Yến	1,800			0.01%				
371	ĐỖ MINH THỦY	100			0.00%				
372	Đỗ Quang Chung	1,200			0.01%				
373	LIN CHI FAN	400			0.00%				
374	KRUNGTHAI XSPRING SECURITIES COMPANY LIMITED	500			0.00%				
	TỔNG	21,086,500			100%		20,320,802	-	-

Kh